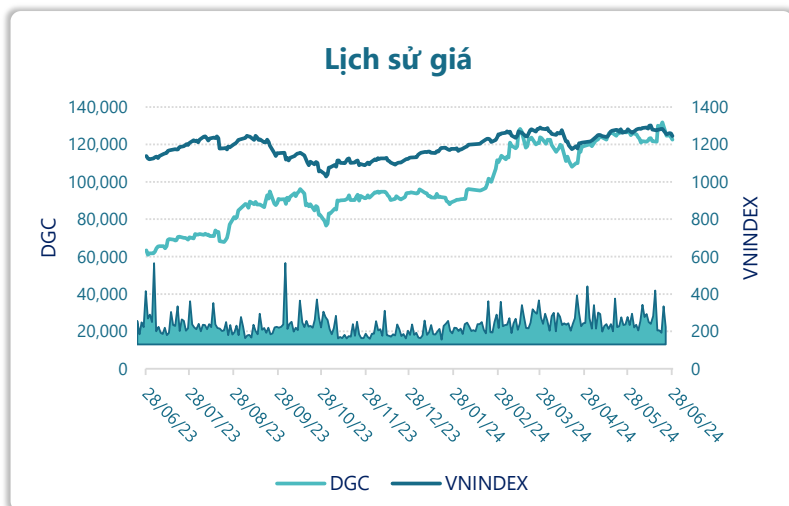


CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (HSX: DGC)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	122,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	131,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	60,985
SL cổ phiếu LH	379,778,413
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,054,310
% sở hữu nước ngoài	18.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	46,523
P/E	15.6
EPS	7,849

DT thuần
Q2/24

2,505

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 120 | 5.0%

YoY: ▲ 91.0 | 3.7%

LN sau thuế
Q2/24

871

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 167 | 23.7%

YoY: ▼ 8.00 | -1.0%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24

38.3%

+/- YoY: ▼ 1.5%

DT thuần
6T 2024

4,889

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 8.00 | -0.2%

LN sau thuế
6T 2024

1,574

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 128 | -7.5%

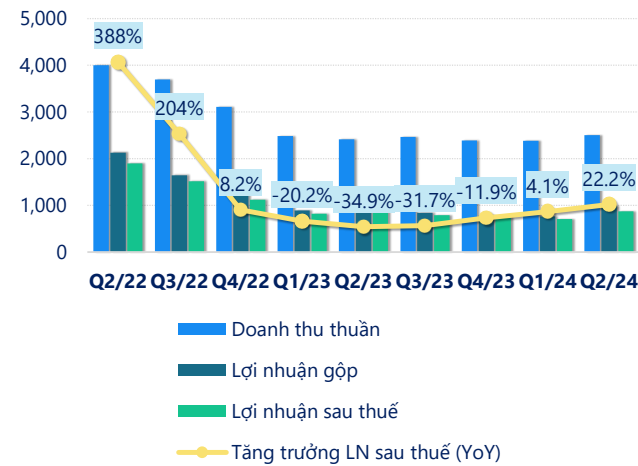
ROE
Q2/24

23.8%

+/- YoY: ▼ 14.7%

tỷ VNĐ

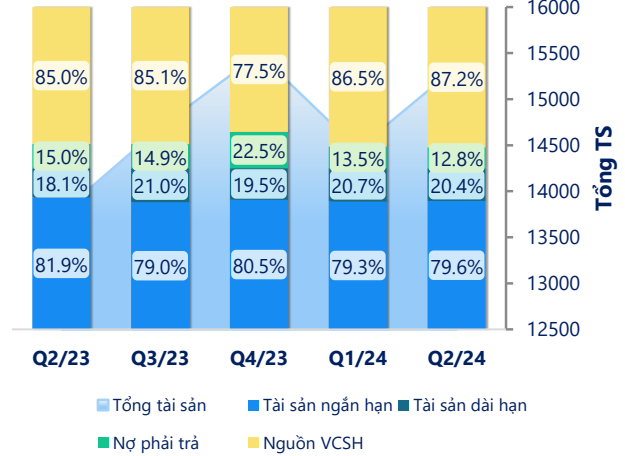
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

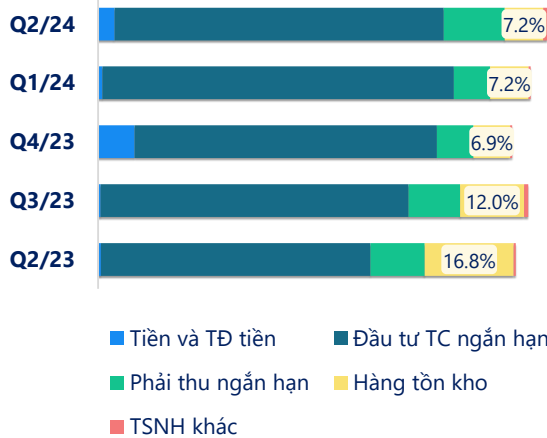
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



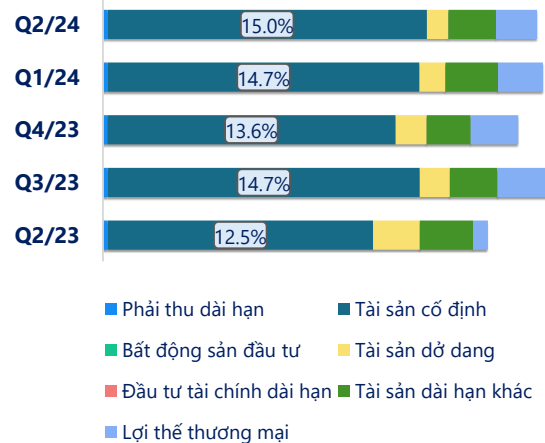
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

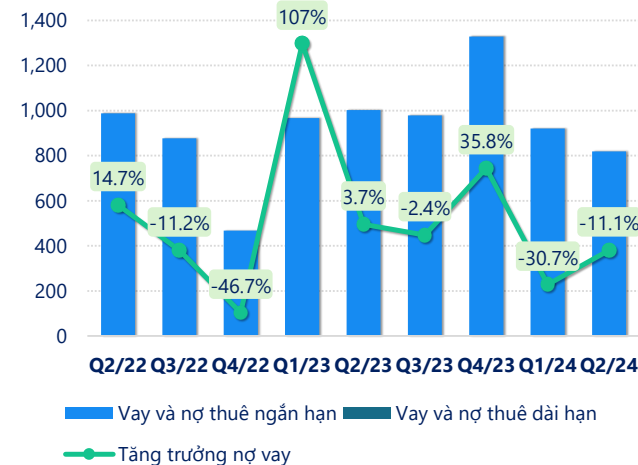
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

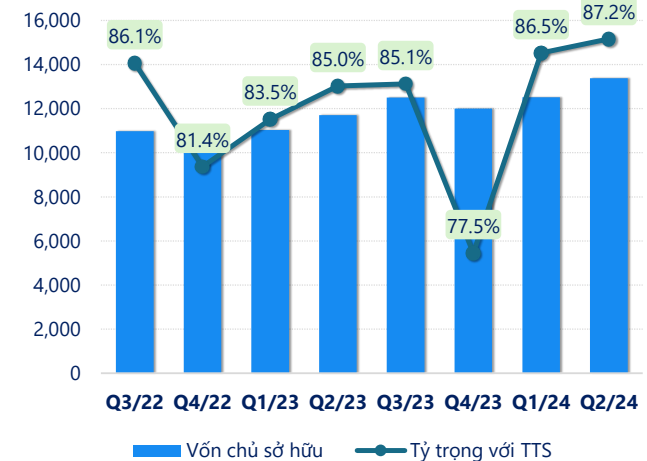
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

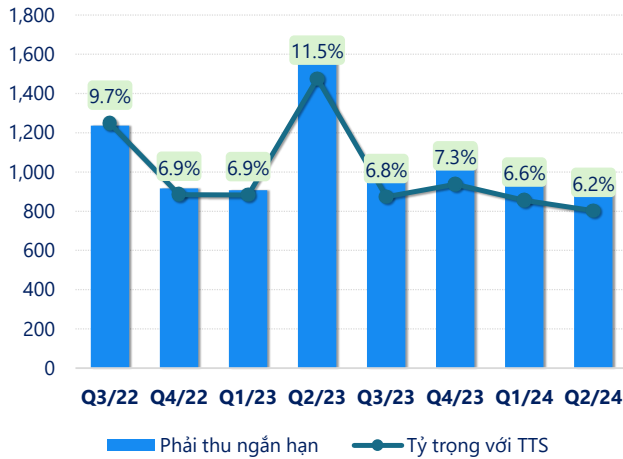
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



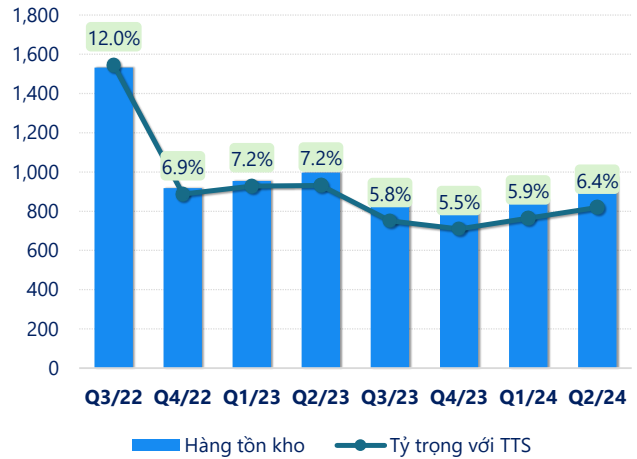
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


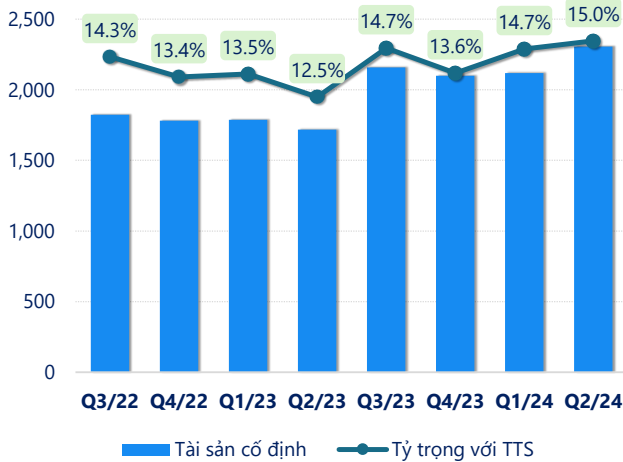
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


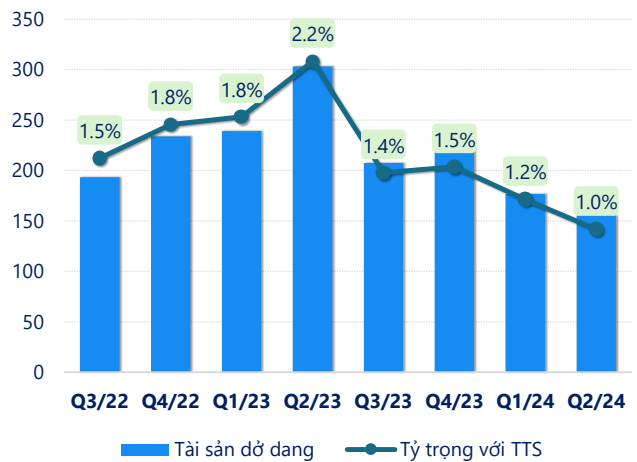
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

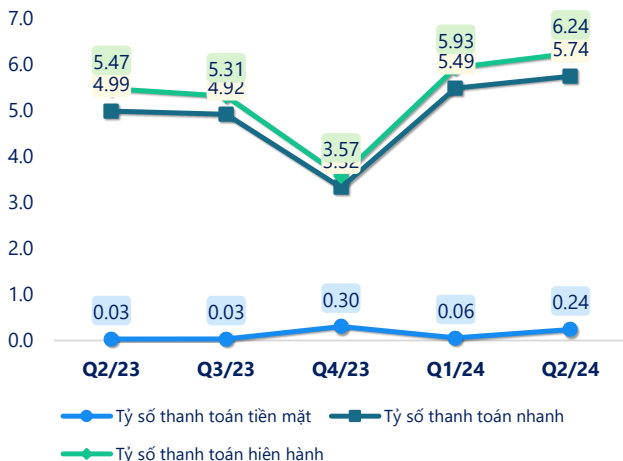
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

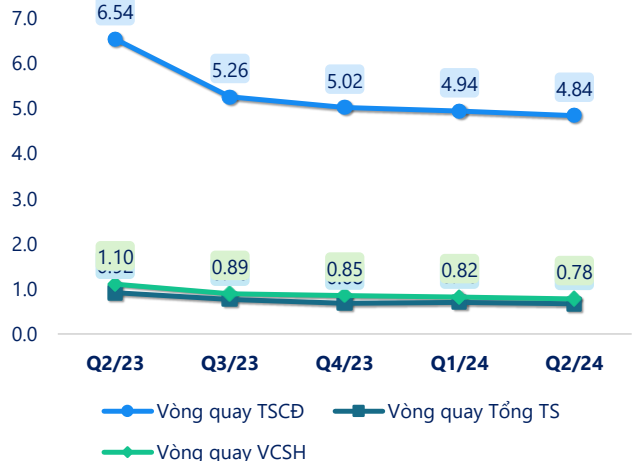
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	13,765	14,693	15,492	14,459	15,350
Tài sản ngắn hạn	11,274	11,610	12,466	11,468	12,217
Tiền và tương đương tiền	71.5	73.2	1,061	113	474
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8,521	9,594	9,342	9,457	9,765
Phải thu ngắn hạn	1,581	998	1,130	961	958
Hàng tồn kho	997	858	855	859	977
Tài sản ngắn hạn khác	104	88.1	79.2	78.3	42.4
Tài sản dài hạn	2,490	3,083	3,025	2,990	3,133
Phải thu dài hạn	30.2	31.2	31.2	32.5	32.5
Tài sản cố định	1,717	2,158	2,100	2,118	2,305
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	303	208	225	177	155
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	345	328	321	358	344
Lợi thế thương mại	94.8	358	348	305	296
Nợ phải trả	2,060	2,186	3,493	1,949	1,970
Nợ ngắn hạn	2,060	2,186	3,492	1,934	1,957
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,003	978	1,328	921	818
Phải trả người bán ngắn hạn	242	294	190	261	247
Nợ dài hạn	0.26	0.27	0.27	14.9	13.8
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	11,704	12,507	11,999	12,510	13,379
Vốn chủ sở hữu	11,704	12,507	11,999	12,510	13,379
Vốn điều lệ	3,798	3,798	3,798	3,798	3,798
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)